

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 30/12/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV về chương trình thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

Thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 30/12/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV về chương trình thích ứng với biến đổi khí hậu (BĐKH) giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết 12) và Chương trình hành động số 182-CTr/BCS ngày 18/3/2022 của Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết 12, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tổ chức phổ biến, quán triệt nghiêm túc và đầy đủ các nội dung của Nghị quyết 12 đến toàn thể đảng viên, công chức, viên chức, người lao động, doanh nghiệp và các tầng lớp Nhân dân trong tỉnh nhằm nâng cao nhận thức đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và cộng đồng về thích ứng với BĐKH để tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 12.

2. Cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp, xác định những nội dung trọng tâm, trọng điểm bằng các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án cụ thể; phân công rõ nhiệm vụ cho các Sở, ngành, địa phương để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện đạt hiệu quả cao các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cho từng giai đoạn đề ra trong Nghị quyết 12.

3. Các hoạt động triển khai phải đảm bảo hiệu quả, tạo chuyển biến sâu sắc, toàn diện các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã nêu trong Nghị quyết; gắn với thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh trong từng giai đoạn.

4. Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương phải nêu cao tinh thần trách nhiệm, tập trung chỉ đạo, điều hành và xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này.

5. Bảo đảm sự phối hợp thường xuyên, hiệu quả giữa các Sở, ban, ngành, địa phương và các tổ chức có liên quan trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

II. QUAN ĐIỂM

1. Thích ứng với BĐKH, phòng, chống thiên tai có vị trí quan trọng trong

các quyết định phát triển; là trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, các ngành, các doanh nghiệp và toàn thể cộng đồng. Các hoạt động thích ứng với BĐKH phải được tiến hành có trọng tâm, trọng điểm.

2. Thích ứng với BĐKH phải gắn với phát triển bền vững, tăng cường khả năng chống chịu của hệ thống tự nhiên-xã hội và tận dụng các cơ hội do BĐKH mang lại; đầu tư cho thích ứng với BĐKH phải có hiệu quả về kinh tế, xã hội và môi trường, phù hợp với yêu cầu trước mắt và những tác động tiềm ẩn lâu dài.

3. Nội dung thích ứng với BĐKH phải được lồng ghép trong các chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội có liên quan của tỉnh; đồng thời, phải có các chương trình riêng để triển khai thực hiện, nhất là chương trình phát triển hệ thống thủy lợi đồng bộ, hiện đại và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên nước. Bảo đảm hài hòa lợi ích, tạo động lực khuyến khích các bên liên quan tích cực tham gia công tác ứng phó với BĐKH, quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường.

4. Sống chung với hạn hán, nâng cao năng lực thích ứng, giảm thiểu tối đa rủi ro do mưa, lũ gây ra và ứng phó có hiệu quả với tình trạng nước biển dâng, xâm nhập mặn.

III. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu

a) *Mục tiêu chung:* Giảm thiểu tính dễ bị tổn thương và rủi ro thông qua việc tăng cường khả năng chống chịu, năng lực thích ứng với BĐKH của cộng đồng, các thành phần kinh tế và hệ sinh thái; thúc đẩy việc lồng ghép nội dung thích ứng với BĐKH vào hệ thống chiến lược, quy hoạch, hướng tới nền kinh tế xanh, thân thiện với môi trường, thích ứng an toàn, thông minh với BĐKH, giảm thiểu tác động tiêu cực và tận dụng cơ hội do BĐKH mang lại.

b) *Mục tiêu cụ thể:*

- Giai đoạn 2021-2030: Nâng cao nhận thức, năng lực thích ứng, khả năng chống chịu với BĐKH thông qua việc chú trọng ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, đầu tư cơ sở hạ tầng và có cơ chế, chính sách phù hợp, hiệu quả.

- Giai đoạn 2030-2045: Tiếp tục đẩy mạnh nâng cao nhận thức, năng lực thích ứng, khả năng chống chịu; chú trọng đầu tư cơ sở hạ tầng và triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách, bảo đảm Ninh Thuận có nền kinh tế thích ứng và chuyển hướng mạnh sang nền kinh tế xanh, an toàn, bền vững.

- Đến năm 2050: Ninh Thuận trở thành tỉnh có nền kinh tế xanh, an toàn, bền vững, giảm thiểu rủi ro, thích ứng thông minh với BĐKH.

2. Một số chỉ tiêu đến năm 2030

a) 100% các trường học, cơ sở đào tạo được phổ biến kiến thức và 100% cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp và người dân hiểu biết cơ bản về BĐKH, phòng tránh thiên tai.

b) Hoàn thiện cơ chế, chính sách huy động nguồn lực, khuyến khích, thu

hút các thành phần kinh tế đầu tư cho các hoạt động thích ứng với BĐKH. Hoàn thành việc khoanh định vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất.

c) 100% các hồ chứa, công trình khai thác nước, xả nước thải được cấp phép có hệ thống quan trắc, giám sát tự động, trực tuyến; thiết lập hệ thống quan trắc, giám sát tự động, trực tuyến môi trường nước và duy trì nguồn nước sông Cái đạt quy chuẩn chất lượng nước mặt loại A.

d) Từng bước hiện đại hóa hệ thống quan trắc, giám sát khí tượng thủy văn; 100% mạng lưới quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng do tỉnh đầu tư được lắp đặt thiết bị cảnh báo, quan trắc, giám sát tự động, trực tuyến.

đ) Nâng tỷ lệ che phủ rừng trên 49%; tăng tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị đạt 100%, nông thôn đạt 95%; diện tích tưới chủ động nước trên 70%.

e) Phân đầu thực hiện đạt 100% các nhiệm vụ, dự án ưu tiên theo kế hoạch; có ít nhất 01 trường/xã, phường được đánh giá là trường học an toàn; 65% trường học trên địa bàn tỉnh là nơi sơ tán và trú ẩn an toàn cho cộng đồng dân cư khi xảy ra thiên tai, dịch bệnh.

g) Hàng năm, triển khai thực hiện ít nhất từ 1 đến 2 đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học – công nghệ về thích ứng với BĐKH, phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai.

h) Xây dựng ít nhất 01 mô hình thích ứng BĐKH dựa vào hệ sinh thái và cộng đồng/địa bàn huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh.

i) 100% cơ sở phát thải khí nhà kính thuộc danh mục phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính (do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt) phải xây dựng, thực hiện kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính hằng năm theo quy định.

k) Đưa chỉ tiêu sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; chỉ tiêu giảm nhẹ phát thải và hấp thụ khí nhà kính vào nhóm chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của tỉnh.

IV. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Nhiệm vụ chung

a) *Xây dựng, phát triển, nâng cao năng lực giám sát, cảnh báo BĐKH, thiên tai:*

- Tăng cường đầu tư cải tạo, nâng cấp hệ thống quan trắc khí tượng thủy văn, giám sát BĐKH, dự báo, cảnh báo, truyền tin về thiên tai theo hướng hiện đại, có độ chính xác cao nhằm cung cấp thông tin, dữ liệu về khí tượng thủy văn, phục vụ cho việc dự báo, cảnh báo sớm các điều kiện khí hậu cực đoan ngày càng gia tăng do BĐKH, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, phòng tránh thiên tai hiệu quả. Chú trọng nâng cấp, hiện đại hóa các công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng của tỉnh và phối hợp quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả các thiết bị quan trắc tự động tại các trạm khí tượng, trạm thủy văn, trạm hải văn và trạm đo mưa của quốc gia trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 1217/QĐ-

BTNMT ngày 18/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn, BĐKH của tỉnh bảo đảm tính thống nhất và trao đổi được với cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn, BĐKH quốc gia và phục vụ có hiệu quả công tác quản lý nhà nước về khí tượng thủy văn và thích ứng với BĐKH trên địa bàn tỉnh.

b) Chủ động ứng phó, giảm nhẹ rủi ro thiên tai:

- Xây dựng, nâng cấp và sửa chữa hệ thống đê kè, công trình phòng, chống thiên tai, hồ đập, trạm bơm, chú trọng việc hiện đại hóa và hình thành hệ thống thủy lợi thông minh,... phục vụ công tác phòng, chống thiên tai. Đẩy nhanh tiến độ, bảo đảm chất lượng xây dựng các dự án, công trình trọng điểm về phòng, chống thiên tai, sạt lở để ứng phó với các hiểm họa do BĐKH và tiến độ thực hiện các dự án di dời các hộ dân tại các khu vực xung yếu, tập trung sơ tán trước đối với các hộ dân đang sinh sống trong khu vực có nguy cơ ảnh hưởng của thiên tai đã được cảnh báo. Triển khai thực hiện có hiệu quả công tác phòng, chống thiên tai theo Kế hoạch số 3478/KH-UBND ngày 15/8/2018 và Kế hoạch số 4543/KH-UBND ngày 30/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về công tác phòng, chống thiên tai và Chiến lược Quốc gia phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh.

- Xác định rõ các khu vực có nguy cơ cao chịu ảnh hưởng của bão, lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất, đặc biệt lưu ý khu vực có người dân đang sinh sống, sản xuất; tăng cường năng lực, biện pháp quản lý và thúc đẩy giảm nhẹ rủi ro thiên tai, chú trọng giải pháp quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng theo Kế hoạch số 1924/KH-UBND ngày 10/5/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ứng phó thiên tai dựa vào cộng đồng trên địa bàn tỉnh, phát huy tri thức địa phương trong phòng, chống thiên tai nhằm giảm thiểu khả năng dễ bị tổn thương và tăng mức độ sẵn sàng ứng phó với các hiện tượng thời tiết, khí hậu cực đoan.

- Triển khai xây dựng bản đồ cảnh báo thiên tai và bản đồ phân vùng rủi ro thiên tai đối với một số loại hình thiên tai thường xảy ra như bão, lũ, ngập lụt, lũ quét,... và các biện pháp phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai...

c) Tăng cường khả năng chống chịu, nâng cao năng lực thích ứng của cộng đồng, các thành phần kinh tế và hệ sinh thái trước BĐKH:

- Tăng cường khả năng chống chịu với BĐKH của cơ sở hạ tầng của các ngành, lĩnh vực và hệ sinh thái:

+ Tăng cường quản lý, giám sát, bảo vệ và khai thác, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên nước; nâng cao khả năng trữ nước và hiệu quả sử dụng nước trong điều kiện BĐKH, ưu tiên cho các vùng có nguy cơ hạn hán, thiếu nước, chịu tác động bất lợi của xâm nhập mặn.

+ Triển khai, nhân rộng các mô hình xen canh nông nghiệp phù hợp với điều kiện hạn, mặn; mô hình trồng trọt và chăn nuôi có khả năng thích ứng với BĐKH; nâng cao hiệu quả quy hoạch, sử dụng đất nông nghiệp; bố trí cơ cấu

mùa vụ, cây trồng phù hợp với lợi thế so sánh và thị trường theo vùng miền; phát triển, nhân rộng các giống cây trồng, vật nuôi và phòng, chống dịch bệnh cho cây trồng, vật nuôi, thủy sản; tăng cường các hình thức đánh bắt và nuôi trồng thủy sản đạt hiệu quả cao; cải tiến phương pháp, kỹ thuật và cải thiện cơ sở hạ tầng ngành thủy sản.

+ Xây dựng, cải tạo hệ thống giao thông qua đập dâng, đập tràn thoát lũ và nâng cấp, kiên cố hóa hạ tầng giao thông ở các vùng thường có rủi ro thiên tai cao và dễ bị tổn thương do BĐKH; nâng cao năng lực chống chịu của hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị và các điểm dân cư tập trung, khu công nghiệp, khu tái định cư ven biển; chống ngập cho đô thị trong điều kiện BĐKH và nước biển dâng; phát triển và xây dựng mô hình nhà an toàn đối với thiên tai, cực đoan khí hậu và nước biển dâng; ứng dụng công nghệ, vật liệu mới có khả năng thích ứng với BĐKH trong lĩnh vực xây dựng và đô thị.

+ Nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng của ngành công nghiệp, năng lượng và thương mại, các cơ sở sản xuất công nghiệp gắn với triển khai đồng bộ các biện pháp bảo vệ môi trường, sử dụng, khai thác hợp lý, có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên tại khu vực dễ bị tổn thương do BĐKH.

+ Phát triển mạng lưới y tế, chăm sóc sức khỏe, đầu tư công nghệ, trang thiết bị trong dự phòng và điều trị để đáp ứng yêu cầu về phòng chống dịch và điều trị bệnh gia tăng, các bệnh mới phát sinh do BĐKH, đảm bảo điều kiện vệ sinh môi trường; tăng cường hệ thống giám sát và cảnh báo sớm các tác động của BĐKH đến sức khỏe; xây dựng và nhân rộng các mô hình nâng cao khả năng chống chịu của cộng đồng, thích ứng với BĐKH của ngành y tế và sức khỏe cộng đồng.

+ Duy tu, bảo tồn và nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng, các công trình di tích lịch sử văn hóa nhằm nâng cao khả năng chống chịu với BĐKH.

- Nâng cao khả năng thích ứng của hệ sinh thái tự nhiên và đa dạng sinh học trước tác động của BĐKH thông qua tăng cường công tác quản lý các hệ sinh thái và đa dạng sinh học; tăng cường khả năng phục hồi của hệ sinh thái tự nhiên và bảo vệ, bảo tồn đa dạng sinh học trước tác động của BĐKH và nước biển dâng.

- Phát triển và nhân rộng các mô hình thích ứng với BĐKH dựa vào hệ sinh thái và dựa vào cộng đồng; tăng cường sự tham gia của cộng đồng địa phương trong giám sát, bảo tồn và quản lý đa dạng sinh học.

- Quản lý, bảo vệ rừng và nâng cao chất lượng rừng thông qua các giải pháp trồng mới, tái sinh, phục hồi rừng, làm giàu rừng; tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong công tác phát triển rừng trồng nhằm cải thiện sinh kế và cơ hội việc làm trong lâm nghiệp. Tổ chức triển khai Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

d) Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, thúc đẩy sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng gắn với phát triển và sử dụng năng lượng mới, năng lượng

tái tạo:

- Xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình, dự án về phát triển, sử dụng năng lượng tái tạo, năng lượng sinh học, năng lượng mới; khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh xây dựng và triển khai các dự án theo cơ chế phát triển xanh, phát triển sạch.

- Thúc đẩy chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng cac-bon thấp, tái cấu trúc các ngành kinh tế theo hướng ưu tiên phát triển các ngành, lĩnh vực sử dụng tiết kiệm năng lượng; từng bước hạn chế phát triển các nhóm ngành kinh tế tiêu tốn nhiều năng lượng, gây ô nhiễm môi trường, hiệu quả kinh tế thấp.

- Đẩy mạnh thực hiện các chương trình sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng, nghiên cứu, ứng dụng đổi mới công nghệ trong các ngành, lĩnh vực, đời sống dân sinh, phát triển kinh tế - xã hội.

đ) Đẩy mạnh các hành động giảm phát thải khí nhà kính và tăng cường các bể hấp thụ khí nhà kính:

- Triển khai các quy hoạch, phương án, công nghệ quản lý, xử lý và tái chế, tái sử dụng chất thải, nước thải; hạn chế sử dụng năng lượng hóa thạch,... nhằm giảm phát thải khí nhà kính; hạn chế sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần trong cộng đồng, cơ quan, trường học; thay đổi phương thức canh tác nông nghiệp, chăn nuôi và thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp xanh, đảm bảo phát triển bền vững, an ninh lương thực và xóa đói giảm nghèo.

- Đẩy mạnh trồng mới, tái sinh và phát triển rừng, bảo vệ các hệ sinh thái, các bể hấp thụ cac-bon trong tự nhiên; xây dựng và áp dụng các chính sách hỗ trợ chuyển đổi mục đích kinh doanh rừng gỗ nhỏ sang gỗ lớn, thu nhập chính từ sản phẩm là gỗ sang thu nhập từ chi trả môi trường rừng thông qua việc hấp thụ CO₂ của rừng.

- Tổ chức thực hiện chương trình sử dụng năng lượng hợp lý, tiết kiệm có hiệu quả trên tất cả các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, phục vụ công cộng và đời sống sinh hoạt.

2. Nhiệm vụ ưu tiên đối với từng lĩnh vực

a) Lĩnh vực Nông nghiệp:

- Tiếp tục đầu tư, cải tạo, nâng cấp hệ thống các công trình thủy lợi, trạm bơm nhất là cho những vùng đất canh tác bị thiếu nước; nâng cấp các tuyến đê, kè, ưu tiên những đoạn đê, kè xung yếu và có nguy cơ sạt lở cao; từng bước hiện đại hóa hệ thống liên thông hồ chứa, kênh chuyển nước kìn, hình thành hệ thống thủy lợi thông minh vừa cắt lũ và phục vụ chống hạn hiệu quả; tiếp tục phát triển hệ thống thủy lợi theo Quyết định số 321/QĐ-UBND ngày 19/9/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về rà soát, điều chỉnh quy hoạch thủy lợi tỉnh Ninh Thuận đến 2020, tầm nhìn 2030 thích ứng BĐKH.

- Đẩy mạnh việc dồn điền đổi thửa, tích tụ ruộng đất, liên kết đất đai trong sản xuất nông nghiệp, hình thành các vùng chuyên canh, sản xuất hàng hoá tập trung; tập trung xử lý, thu hồi đất của các nông lâm trường hoạt động kém hiệu

quả để tạo quỹ đất thu hút các tổ chức đầu tư vào sản xuất nông, lâm, thủy sản; tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu phát triển sản xuất được thuê đất. Tập trung tổ chức triển khai Quyết định số 771/QĐ-UBND ngày 27/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 12/10/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục đẩy mạnh phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

- Triển khai nhân rộng các mô hình trồng trọt và chăn nuôi có khả năng thích ứng với BĐKH. Tăng cường sử dụng các giống cây trồng ngắn ngày, giống chịu hạn, chịu úng và chống chịu sâu bệnh. Triển khai quy hoạch và quản lý tốt các khu phát triển chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, chú trọng triển khai có hiệu quả Đề án Phát triển Ninh Thuận thành trung tâm sản xuất tôm giống chất lượng cao của cả nước giai đoạn 2021-2030 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 09/01/2022; tăng cường các hình thức đánh bắt và nuôi trồng thủy sản đạt hiệu quả cao; đầu tư, nâng cấp cải thiện cơ sở hạ tầng ngành thủy sản.

- Tăng cường quản lý, bảo vệ và nâng cao chất lượng rừng thông qua các giải pháp trồng mới, tái sinh, phục hồi, làm giàu rừng, kiểm soát cháy rừng, bảo tồn đa dạng sinh học và tăng cường cơ sở vật chất phòng, chống cháy rừng,... hướng đến nền nông nghiệp xanh, ít phát thải. Đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện Đề án trồng 1 tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025, Đề án “Bảo vệ và phát triển rừng vùng ven biển nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu và thúc đẩy tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch số 6346/KH-UBND ngày 22/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh và Quyết định số 1662/QĐ-TTg ngày 04/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Lĩnh vực Công nghiệp và Năng lượng:

- Triển khai quy hoạch các khu, cụm công nghiệp tập trung trên địa bàn tỉnh gắn liền với quy hoạch đô thị - dịch vụ liên quan, trên cơ sở đánh giá tác động của BĐKH, tránh các khu vực có nguy cơ ngập lụt, lũ, sạt lở đất.

- Đẩy mạnh thực hiện các chương trình sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng, chú trọng triển khai thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 07/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường tiết kiệm điện giai đoạn 2020 – 2025; xây dựng chính sách khuyến khích việc đầu tư sử dụng công nghệ cao, các dự án, chương trình sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng sạch, thân thiện với môi trường; tiếp tục phát triển các dự án điện mặt trời, điện gió đất liền, ven biển và ngoài khơi. Đẩy mạnh triển khai Kế hoạch số 239-KH/TU ngày 26/5/2020 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Hạn chế cấp phép đầu tư đối với các dự án có nguy cơ gây ô nhiễm cao, sử dụng nhiều năng lượng hóa thạch; tăng cường kiểm tra, hướng dẫn các doanh nghiệp xử lý chất thải, khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường trong quá trình sản xuất; yêu cầu thay thế công nghệ, di dời hoặc đình chỉ sản xuất đối với các

cơ sở công nghiệp gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Đẩy mạnh triển khai Kế hoạch số 6282/KH-UBND ngày 17/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tỉnh thực hiện Đề án “Phát triển công nghiệp sinh học ngành Công Thương đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

c) Lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường:

- Tăng cường quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, tài nguyên biển và bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học, các hệ sinh thái tự nhiên trong bối cảnh BĐKH. Tiếp tục triển khai thực hiện Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với BĐKH, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Xây dựng, cập nhật quy hoạch, khai thác sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên nước, chú trọng nghiên cứu, điều tra, đánh giá và khoanh định vùng hạn chế, khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất để chuyển đổi việc sử dụng nước dưới đất sang sử dụng nước mặt, đồng thời hạn chế việc khai thác nước dưới đất nhằm giảm sụt lún, nhiễm mặn ở các vùng ven biển; chủ động kiểm soát, giám sát ngăn ngừa, hạn chế tình trạng suy thoái, cạn kiệt nguồn nước, đặc biệt ở khu vực thường xuyên bị hạn hán, xâm nhập mặn, đề xuất các giải pháp giảm thiểu tác động tiêu cực do nước gây ra.

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại, nước thải và công tác xử lý, tái chế chất thải rắn; kiểm soát chất lượng không khí, ứng dụng công nghệ, hoàn thiện hệ thống quan trắc, giám sát tài nguyên và môi trường, cảnh báo sớm ô nhiễm môi trường. Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả các Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh về bảo vệ môi trường, cụ thể: Kế hoạch số 2097/KH-UBND ngày 23/5/2018 về triển khai thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TU ngày 21/3/2018 của BTV tỉnh ủy về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chủ trương xây dựng và phát triển Ninh Thuận “xanh-sạch-đẹp” đến năm 2020 và những năm tiếp theo; Kế hoạch số 3875/KH-UBND ngày 10/9/2019 về bảo vệ môi trường tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 03 năm 2020 – 2022) và Kế hoạch số 4316/KH-UBND ngày 03/12/2020 về tăng cường quản lý, tái sử dụng, tái chế, xử lý và giảm thiểu chất thải nhựa trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

d) Lĩnh vực Khoa học và Công nghệ:

- Tổ chức các nghiên cứu khoa học và ứng dụng khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo làm rõ tiềm năng, lợi thế của Ninh Thuận về điều kiện tự nhiên, đặc thù thiên nhiên, đặc điểm văn hóa, xã hội và nghiên cứu quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội với các mô hình sản xuất, sản phẩm đặc thù phù hợp với các kịch bản thích ứng BĐKH.

- Nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học và công nghệ để phát triển các mô hình sản xuất, sản phẩm đặc thù có lợi thế của tỉnh, phát triển nền kinh tế các-bon thấp, tăng trưởng xanh; bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, môi trường sinh thái; bảo đảm phát triển bền vững. Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án triển khai

các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng, đổi mới công nghệ phát triển các sản phẩm trọng điểm, chủ lực có lợi thế của tỉnh Ninh Thuận trong lĩnh vực nông - lâm - ngư nghiệp và công nghiệp chế biến thành các sản phẩm có chất lượng tốt, quy mô lớn, có sức cạnh tranh trên thị trường phục vụ nội tiêu và xuất khẩu theo Quyết định số 331/QĐ-UBND ngày 28/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp khoa học và công nghệ để bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, môi trường sinh thái; khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng công nghệ sản xuất thân thiện môi trường; đẩy mạnh áp dụng giải pháp khoa học và công nghệ tiên tiến xử lý rác thải; đẩy mạnh công tác đánh giá, thẩm định công nghệ được ứng dụng, chuyển giao trong hoạt động sản xuất-kinh doanh nhằm loại trừ các công nghệ gây ô nhiễm môi trường, gia tăng khí thải nhà kính. Nghiên cứu bảo vệ nguồn gen quý hiếm, bảo tồn đa dạng sinh học của tỉnh.

đ) Lĩnh vực Văn hóa và Du lịch:

- Thường xuyên kiểm tra, cập nhật sự ảnh hưởng của BĐKH đối với các di tích lịch sử, văn hóa, danh thắng trên địa bàn tỉnh và đề ra các biện pháp tu bổ, tôn tạo cho phù hợp.

- Tăng cường sử dụng các chất liệu truyền thống, phương thức truyền thống trong việc tu bổ, phục dựng bảo quản các hiện vật trong bảo tàng, di tích và nhà truyền thống; có giải pháp cải tạo, bảo vệ đối với các hạ tầng văn hóa, du lịch có nguy cơ ảnh hưởng tác động của BĐKH hoặc di dời, chuyển đổi loại hình cho phù hợp để thích ứng với điều kiện thực tế.

- Xây dựng lối sống xanh trong cộng đồng và giữ gìn môi trường du lịch xanh, sạch, đẹp, triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 1956/KH-UBND ngày 23/4/2021 và Kế hoạch số 4654/KH-UBND ngày 03/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Đổi mới nếp sống văn hóa, văn minh đô thị giai đoạn 2012 – 2025 và Chương trình Bảo tồn và phát huy bền vững giá trị di sản văn hóa Việt Nam, giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh.

e) Lĩnh vực Xây dựng:

- Rà soát, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật, kinh tế-xã hội, khu đô thị, khu dân cư, phù hợp với các kịch bản BĐKH; đề xuất cốt nền và mật độ xây dựng phù hợp; kết cấu và kiến trúc công trình phải bảo đảm đáp ứng được yêu cầu chống chịu được gió, bão, lũ có cường độ lớn đối với các dự án phát triển đô thị tại khu vực thấp, trũng, có nguy cơ chịu tác động của BĐKH; đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ, vật liệu mới có khả năng thích ứng với BĐKH vào đầu tư xây dựng công trình và nhà ở, phát triển mô hình tòa nhà xanh.

- Tăng cường quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật và kiểm tra công tác duy tu, bảo dưỡng hệ thống thoát nước đô thị, đặc biệt hệ thống thoát nước trong các khu dân cư để bảo đảm ứng phó với thoát nước khi có mưa lớn xảy ra. Hình thành các hồ chứa điều tiết ngập lụt, khai thông, nạo vét hệ thống thoát nước nhằm kiểm soát, hạn chế ngập úng trong đô thị.

- Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả các Kế hoạch số 4876/KH-UBND ngày 14/9/2021 và số 3129/KH-UBND ngày 24/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó BĐKH giai đoạn 2021-2030 theo Quyết định số 438/QĐ-TTg ngày 25/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Phát triển đô thị tăng trưởng xanh trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận đến năm 2030; Đề án Phát triển dịch vụ đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 theo Quyết định số 1860/QĐ-UBND ngày 21/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Chú trọng triển khai xây dựng thành phố Phan Rang – Tháp Chàm thành đô thị xanh, hiện đại, đô thị thông minh theo Quyết định số 685/QĐ-UBND ngày 28/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

g) Lĩnh vực Giao thông vận tải:

- Xây dựng, cải tạo hệ thống giao thông qua đập dâng, đập tràn thoát lũ và kiên cố hóa hạ tầng giao thông ở các vùng thường có rủi ro thiên tai cao và dễ bị tổn thương do BĐKH; điều tra kỹ về thủy văn, mực nước qua các trận lũ trong khu vực khi xây dựng các công trình giao thông; kiểm tra chất lượng đối với các nguyên vật liệu thi công các tuyến đường giao thông trong bối cảnh nhiệt độ ngày càng gia tăng, các hiện tượng thời tiết cực đoan thường xuyên hơn, nhằm đảm bảo chất lượng và tuổi thọ của các tuyến đường.

- Khuyến khích phát triển các phương tiện giao thông công cộng, xe điện, các phương tiện giao thông sử dụng nhiên liệu sạch, sử dụng ít hoặc không sử dụng nhiên liệu hóa thạch, đẩy mạnh triển khai Đề án “Thí điểm sử dụng xe bốn bánh chạy bằng năng lượng điện hoặc động cơ xăng phục vụ chở khách tham quan, du lịch trong khu vực hạn chế trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận”; tăng cường kiểm soát khí thải từ các phương tiện giao thông, kiểm soát ô nhiễm không khí từ hoạt động giao thông vận tải.

h) Lĩnh vực Y tế:

- Điều tra, nghiên cứu, đánh giá thực trạng tác động của BĐKH tới sức khỏe người dân, các bệnh tật có liên quan đến BĐKH, các khu vực dễ bị tổn thương để có giải pháp ứng phó kịp thời. Thiết lập hệ thống theo dõi và kiểm kê thường xuyên diễn biến của dịch bệnh trên địa bàn tỉnh nhằm tạo cơ sở dữ liệu để đánh giá và phát hiện kịp thời những biến động của sức khỏe cộng đồng.

- Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống bệnh viện và trạm y tế với trang thiết bị y tế tiên tiến, hiện đại đáp ứng yêu cầu phòng, chống dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe Nhân dân; triển khai các mô hình chăm sóc sức khỏe cộng đồng như nước sạch và vệ sinh môi trường, vệ sinh cá nhân, chăm sóc sức khỏe ban đầu, thích ứng với BĐKH tại các vùng bị ảnh hưởng.

i) Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo:

- Nghiên cứu, tích hợp, lồng ghép có chọn lọc những kiến thức về công tác phòng chống, giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với BĐKH vào các môn học trong chương trình giảng dạy, đào tạo phù hợp với các cấp học, các buổi sinh hoạt ngoại khóa nhằm nâng cao hiểu biết, nhận thức và hành vi của học sinh, sinh viên về thích ứng với BĐKH, phòng tránh thiên tai và bảo vệ môi trường.

- Ưu tiên đầu tư xây dựng các trường học an toàn kết hợp phòng, chống thiên tai và thích ứng với BĐKH phù hợp với đặc điểm thiên tai của từng vùng, địa phương.

- Tăng cường hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu triển khai các chương trình đào tạo, phát triển nguồn nhân lực về thích ứng với BĐKH cho tỉnh.

V. DANH MỤC DỰ ÁN ƯU TIÊN VÀ NGUỒN LỰC THỰC HIỆN

1. Danh mục dự án ưu tiên

Danh mục các nhiệm vụ, dự án ưu tiên về thích ứng với BĐKH, lộ trình triển khai thực hiện trong từng giai đoạn (*chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

2. Nguồn lực tài chính

Các nguồn lực tài chính sẽ được xem xét, phê duyệt theo từng loại nguồn sau:

a) Đối với các nhiệm vụ, dự án thuộc nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường của tỉnh: Giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp nhiệm vụ các Sở, ngành, xây dựng danh mục các các nhiệm vụ, dự án thực hiện Kế hoạch hàng năm, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Đối với các nhiệm vụ, dự án thuộc nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học của tỉnh:

- Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan thẩm định, phê duyệt, giám sát triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học, các định hướng công nghệ liên quan đến thích ứng với BĐKH.

- Các cơ quan, đơn vị và địa phương chủ động, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ để đăng ký thực hiện theo quy định.

c) Đối với các nhiệm vụ, dự án thuộc nguồn vốn đầu tư phát triển của tỉnh: Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp các nhiệm vụ, dự án theo Luật Đầu tư công thông qua Hội đồng nhân dân tỉnh hàng năm. Trên cơ sở được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, ngân sách tỉnh sẽ tiến hành cân đối và bố trí vốn cho các nhiệm vụ, dự án này.

d) Đối với các nhiệm vụ, dự án thuộc nguồn kinh phí khác: Giao Sở kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan, đơn vị liên quan dựa trên danh mục các nhiệm vụ, dự án được phê duyệt thông qua, chủ động tìm kiếm nguồn tài trợ hợp pháp nhằm huy động sự đóng góp của cộng đồng quốc tế và trong nước, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

VI. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ, chính quyền các cấp trong công tác thích ứng với biến đổi khí hậu

a) Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, chỉ đạo của chính quyền đối

với công tác ứng phó với BĐKH; xác định công tác thích ứng với BĐKH là nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung, ưu tiên trong chỉ đạo điều hành nhiệm vụ chính trị; xác định rõ trách nhiệm người đứng đầu trong thực hiện nhiệm vụ và đưa công tác thích ứng với BĐKH trở thành chỉ tiêu đánh giá thi đua của cơ quan, đơn vị, địa phương và cán bộ, công chức, viên chức hàng năm.

b) Các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể quán triệt, đẩy mạnh và đa dạng hóa nội dung, hình thức tuyên truyền, lồng ghép giáo dục nhằm nâng cao hơn nữa nhận thức của cán bộ, đảng viên, các tổ chức, cá nhân, các tầng lớp Nhân dân và toàn xã hội về sự cần thiết, tính cấp bách của việc thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, nhất là người đứng đầu cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất.

c) Các cơ quan thông tin đại chúng của tỉnh phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng Trung ương tăng cường tuyên truyền về công tác thích ứng với BĐKH; nêu gương người tốt, việc tốt, các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tích cực tham gia các hoạt động thích ứng với BĐKH, phòng, chống thiên tai và có công trình, dự án, giải pháp thích ứng với BĐKH và phòng, chống thiên tai hiệu quả.

2. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ và liên kết, hợp tác trong công tác ứng phó BĐKH

a) Các cơ quan, đơn vị và địa phương nghiên cứu, chuyển giao và áp dụng công nghệ mới, thiết bị, hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho công tác chủ động thích ứng với BĐKH, chú trọng đổi mới công nghệ sản xuất theo hướng thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng, sử dụng hiệu quả tài nguyên, ít chất thải và các-bon thấp; đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới, hiện đại trong dự báo, cảnh báo sớm, truyền tin thiên tai và giám sát BĐKH.

b) Các cơ quan, đơn vị và địa phương có phương án tiếp cận và sử dụng hiệu quả nguồn tài trợ của các tổ chức quốc tế trong các vấn đề liên quan đến BĐKH, vấn đề chuyển giao công nghệ; tăng cường năng lực; đề xuất các hướng tài trợ nhằm huy động tối đa sự hỗ trợ của tổ chức quốc tế về nghiên cứu, ứng dụng khoa học – công nghệ trong lĩnh vực BĐKH trên địa bàn tỉnh nhằm mang lại những giải pháp thích ứng đạt hiệu quả cao.

3. Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách phù hợp, đồng bộ, đủ mạnh để phục vụ hiệu quả nhiệm vụ thích ứng BĐKH

a) Huy động các nguồn lực, bao gồm nguồn xã hội hóa, nguồn tài chính của Trung ương, các dự án ODA, của các tổ chức phi chính phủ thông qua các chương trình liên quan đến nâng cao năng lực cho cán bộ kỹ thuật, các dự án phát triển và nhân rộng mô hình thích ứng, hỗ trợ sinh kế, đặc biệt là tại các địa bàn có nguy cơ ảnh hưởng cao do BĐKH và những địa phương chịu nhiều ảnh hưởng của BĐKH.

b) Tranh thủ sự hỗ trợ, bố trí kinh phí cho hoạt động thích ứng với BĐKH của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương; lồng ghép kế hoạch thích ứng với BĐKH vào các kế hoạch phát triển của các ngành thông qua các dự án phát triển

cụ thể.

c) Ưu tiên đầu tư kinh phí và vật chất cho công tác nâng cấp các hệ thống hạ tầng, các đánh giá tác động của BĐKH đến các ngành, lĩnh vực một cách chuyên sâu nhằm tăng khả năng thích ứng với BĐKH trong toàn tỉnh.

d) Tăng cường công tác quản lý, cơ chế phối hợp trong việc sử dụng các nguồn vốn trong và ngoài nước cho thích ứng với BĐKH có trọng tâm, trọng điểm, đạt hiệu quả cao, đặc biệt ưu tiên các dự án cấp bách.

đ) Xây dựng các cơ chế, chính sách phù hợp, đồng bộ, đủ mạnh để khuyến khích, thu hút sự tham gia của các thành phần kinh tế, các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh cung cấp, đầu tư tài chính cho các hoạt động thích ứng với BĐKH và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.

4. Đẩy mạnh công tác đào tạo, nâng cao số lượng, chất lượng nguồn nhân lực phục vụ công tác thích ứng BĐKH, giảm nhẹ thiên tai

a) Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp cơ quan, đơn vị và địa phương tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên sâu về BĐKH cho đội ngũ cán bộ làm công tác BĐKH của tỉnh, chú trọng công tác xã hội hóa, hợp tác, liên kết trong công tác thu hút, đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là năng lực dự báo, cảnh báo, theo dõi, giám sát BĐKH.

b) Các cơ quan, đơn vị và địa phương theo chức năng, nhiệm vụ chủ động mời gọi các chuyên gia trong và ngoài nước hỗ trợ về chuyên môn, kinh nghiệm, các mô hình thích ứng hiệu quả với BĐKH. Tổ chức đào tạo, tập huấn, xây dựng lực lượng chuyên nghiệp, chính sách cán bộ phục vụ cho công tác tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn trong các tình huống thiên tai. Từng bước hiện đại hóa, chuyên nghiệp hóa lực lượng tìm kiếm, cứu nạn.

5. Tăng cường đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý Nhà nước trong lĩnh vực thích ứng BĐKH, giảm nhẹ thiên tai

a) Các cơ quan, đơn vị và địa phương tăng cường quản lý về quan trắc, giám sát, kiểm soát, cảnh báo chất lượng nước, không khí và quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật, triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu về môi trường, khí tượng thủy văn, BĐKH bảo đảm phục vụ có hiệu quả nhiệm vụ thích ứng BĐKH, giảm nhẹ thiên tai. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và phát triển công nghệ số, chuyển đổi số trong hoạt động thích ứng BĐKH, giảm nhẹ thiên tai. Tăng cường cải cách, kiên quyết cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính về thích ứng BĐKH, giảm nhẹ thiên tai và tiếp nhận, xử lý kịp thời, hiệu quả phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp, người dân.

b) Nâng cao vai trò, trách nhiệm của chính quyền và người đứng đầu các cấp trong lãnh đạo, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ, giải pháp thích ứng BĐKH, giảm nhẹ thiên tai. Tăng cường sự phối hợp của các cấp, các ngành trong công tác thanh tra, kiểm tra, đôn đốc, kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện và phát hiện, xử lý kịp thời, kiên quyết, đúng pháp luật các

hành vi vi phạm pháp luật của tổ chức, cá nhân về thích ứng với BĐKH, phòng, chống thiên tai.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Hướng dẫn, hỗ trợ các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức đoàn thể thực hiện, điều phối việc tổ chức thực hiện Kế hoạch này theo quy định.

b) Tham gia góp ý; thực hiện kiểm tra, giám sát việc tổ chức triển khai các nhiệm vụ, dự án thuộc Kế hoạch và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện hàng năm (hoặc đột xuất theo yêu cầu) cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Chủ trì thực hiện, theo dõi, giám sát, kiểm tra, đôn đốc triển khai thực hiện các nhiệm vụ, dự án thuộc cơ quan mình phụ trách.

2. Sở Tài chính

a) Trên cơ sở các nhiệm vụ, dự án về thích ứng với BĐKH được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và dự toán do các cơ quan, đơn vị lập, Sở Tài chính phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí để thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, khả năng cân đối ngân sách hàng năm và theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

b) Thực hiện chế độ thông tin báo cáo thường xuyên và đột xuất theo yêu cầu.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và Sở Tài nguyên và Môi trường điều phối các nguồn vốn cho các nhiệm vụ, dự án triển khai thực hiện Kế hoạch.

b) Chủ trì xây dựng, thông tin các chính sách hỗ trợ, khuyến khích đầu tư đối với các tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực thích ứng với BĐKH, giảm nhẹ thiên tai.

c) Thực hiện chế độ thông tin báo cáo thường xuyên và đột xuất theo yêu cầu.

4. Các Sở, ban, ngành tỉnh

a) Theo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch; xây dựng kế hoạch, lồng ghép các nội dung thích ứng với BĐKH của cơ quan, đơn vị để triển khai và gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp.

b) Định kỳ hàng năm báo cáo kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch và gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Trên cơ sở Kế hoạch này, xây dựng kế hoạch thích ứng với BĐKH phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương mình.

- Rà soát, lồng ghép các nội dung về BĐKH, nước biển dâng vào các quy hoạch của địa phương nhằm thích ứng với BĐKH, đảm bảo phát triển bền vững.

- Định kỳ hàng năm báo cáo kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

6. Tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, các đoàn thể quần chúng, các tổ chức phi chính phủ, doanh nghiệp, cộng đồng và các đơn vị liên quan

- Tham gia, phối hợp triển khai thực hiện Kế hoạch này; tuyên truyền, phổ biến kiến thức về BĐKH, nâng cao năng lực thích ứng với BĐKH, giảm nhẹ khí nhà kính và giảm nhẹ thiên tai trong cộng đồng trên địa bàn tỉnh.

- Tham gia đóng góp ý kiến về các nhiệm vụ, dự án thích ứng với biến đổi khí hậu của tỉnh và phối hợp, hỗ trợ về nhân lực, tài chính, kỹ thuật trong tổ chức thực hiện.

Trên cơ sở Kế hoạch này, các Sở, ngành, đoàn thể tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai, thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Mặt trận Tổ quốc và các tổ CT-XH tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Báo Ninh Thuận, Đài PTTH tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- VPUB: LĐ, KTTH;
- Lưu: VT. TT

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



[Handwritten signature in blue ink]

Lê Huyền



Phụ lục

PHỤ LỤC MỤC CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN ƯU TIÊN THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TỈNH NINH THUẬN GIAI ĐOẠN 2021 – 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Kế hoạch số 1385 /KH-UBND ngày 05 / 4 /2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

STT	Dự án	Mục tiêu của dự án	Cơ quan chủ trì và phối hợp	Kết quả theo giai đoạn	
				Giai đoạn 2021-2025	Giai đoạn 2026-2030
I	Tăng cường công tác quản lý nhà nước và nguồn lực				
1	Triển khai hệ thống giám sát và đánh giá các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu	Xây dựng hệ thống giám sát và đánh giá các hoạt động thích ứng với BĐKH	Sở TN&MT phối hợp với các đơn vị liên quan	Triển khai hệ thống giám sát, đánh giá kết quả	Tiếp tục vận hành, sửa đổi bổ sung hoàn thiện hệ thống
2	Triển khai thực hiện cơ chế huy động nguồn lực, khuyến khích sự tham gia đầu tư của các thành phần kinh tế cho các hoạt động thích ứng với BĐKH	Cơ chế chính sách huy động nguồn lực, khuyến khích sự tham gia đầu tư của các thành phần kinh tế cho các hoạt động thích ứng với BĐKH do trung ương ban hành được triển khai thực hiện phù hợp trên địa bàn tỉnh	Sở KH&ĐT phối hợp với các đơn vị liên quan	Triển khai thực hiện cơ chế chính sách được ban hành	Tiếp tục triển khai thực hiện
3	Triển khai các nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ mới trong thích ứng với BĐKH	Tăng cường nghiên cứu khoa học và công nghệ về thích ứng với BĐKH	Sở KH&CN phối hợp với các đơn vị liên quan	Triển khai thực hiện các nghiên cứu cho giai đoạn 2021-2025	Tổng kết đánh giá và nghiên cứu cho giai đoạn 2026-2030

II	Nông nghiệp				
4	Ứng dụng khoa học công nghệ, công nghệ cao, cơ giới hoá, tự động hoá và các quy trình canh tác tiên tiến, thâm canh bền vững thích ứng với BĐKH	Triển khai, nhân rộng các mô hình xen canh thích ứng BĐKH, phù hợp với điều kiện hạn, mặn	Sở NN&PTNT phối hợp với các đơn vị và địa phương liên quan	Triển khai thí điểm cho các địa phương	Mở rộng quy mô và tổng kết đánh giá
5	Xây dựng các mô hình sản xuất tiên tiến (áp dụng đồng bộ các hệ thống tưới, sử dụng cây giống sạch bệnh, giống có lợi thế xuất khẩu và sử dụng biện pháp phòng trừ dịch bệnh thân thiện với môi trường)	Phát triển và nhân rộng các giống cây trồng có khả năng chống chịu sâu bệnh	Sở NN&PTNT phối hợp với Sở KH&CN	Các mô hình được thí điểm trên diện rộng và đánh giá	Mở rộng quy mô và tổng kết đánh giá
6	Tăng cường các hoạt động kiểm soát dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, cải tiến các dịch vụ thú y để phát triển ngành chăn nuôi bền vững thích ứng BĐKH và khai thác lợi thế vùng sinh thái	Triển khai các biện pháp phòng, chống dịch bệnh, sử dụng các giống vật nuôi có khả năng thích ứng với BĐKH	Sở NN&PTNT phối hợp với các đơn vị và địa phương liên quan	Các hoạt động kiểm soát và dịch vụ thú y được áp dụng trong toàn bộ quá trình chăn nuôi	
7	Chuyên dịch chăn nuôi phân tán, nhỏ lẻ sang chăn nuôi tập trung theo mô hình trang trại, được đầu tư đồng bộ về hệ	Nâng cao khả năng phòng chống dịch bệnh, sử dụng các giống vật nuôi có khả năng thích ứng với BĐKH	Sở NN&PTNT phối hợp với các đơn vị và địa phương liên quan	Triển khai thí điểm cho các địa phương	Mở rộng quy mô và tổng kết đánh giá

	thống chủng nuôi và môi trường, áp dụng công nghệ chăn nuôi tiên tiến để nâng cao khả năng thích ứng và giá trị gia tăng				
8	Chuyển đổi cơ cấu tàu thuyền với công suất hợp lý, đổi mới công nghệ khai thác thủy sản đạt hiệu quả cao thích ứng với BĐKH	Tăng cường các hình thức đánh bắt và nuôi trồng thủy sản đạt hiệu quả cao có khả năng thích ứng với BĐKH	Sở NN&PTNT phối hợp với các đơn vị và địa phương liên quan	Triển khai thí điểm	Mở rộng quy mô và tổng kết đánh giá
9	Tiếp tục đầu tư xây dựng, duy tu, sửa chữa, nâng cấp cơ sở hạ tầng cảng cá, bến cá, khu neo đậu trú tránh bão cho tàu thuyền vùng ven biển	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nghề cá	Sở NN&PTNT phối hợp với các đơn vị và địa phương liên quan	Phê duyệt và triển khai thực hiện	Mở rộng quy mô và tổng kết đánh giá
10	Triển khai các giải pháp phòng chống cháy rừng, quản lý sâu bệnh hại rừng, hạn chế sa mạc hoá và bảo tồn đa dạng sinh học rừng	Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng	Sở NN&PTNT phối hợp với các đơn vị và địa phương liên quan	Các giải pháp được triển khai thực hiện	Mở rộng quy mô và tổng kết đánh giá
11	Xây dựng và triển khai các dự án nhằm tăng cường quản lý, bảo vệ rừng và nâng cao chất lượng rừng	Phát triển nâng cao chất lượng rừng thông qua các giải pháp tái sinh, phục hồi rừng, làm giàu rừng, thay đổi cơ cấu cây trồng	Sở NN&PTNT phối hợp với các đơn vị và địa phương liên quan	Phê duyệt và triển khai thực hiện	Mở rộng quy mô và tổng kết đánh giá
12	Hỗ trợ phát triển mô hình sinh kế cộng đồng dựa vào rừng theo hướng	Hỗ trợ khuyến khích cộng đồng tham gia phát triển lâm nghiệp bền vững	Sở NN&PTNT phối hợp với các đơn vị và địa	Phê duyệt và triển khai thực hiện mô hình	Mở rộng quy mô và tổng kết đánh giá

	thích ứng với BĐKH		phương liên quan		
13	Hiện đại hóa hệ thống liên thông hồ chứa, kênh chuyên nước kín, hình thành hệ thống thủy lợi thông minh	Hình thành hệ thống thủy lợi thông minh vừa cất lũ, ngăn mặn và phục vụ chống hạn hiệu quả, sử dụng nước tiết kiệm	Sở NN&PTNT phối hợp với các đơn vị và địa phương liên quan	Phê duyệt và triển khai thực hiện	Mở rộng quy mô và tổng kết đánh giá
III	Phòng, chống thiên tai				
14	Tăng cường năng lực truyền tin thiên tai, đảm bảo truyền phát thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời nhằm phục vụ phòng tránh thiên tai hiệu quả	Tăng cường năng lực giám sát BĐKH, quan trắc KTTV, dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai để chủ động ứng phó với BĐKH	Sở TT&TT phối hợp với các đơn vị liên quan	Triển khai thực hiện thường xuyên và hiệu quả	Hoàn thành và tổng kết đánh giá
15	Đầu tư xây dựng hệ thống giám sát, cảnh báo sớm thiên tai cho hồ Tân Mỹ và các hồ chứa nước nhằm chủ động ứng phó với BĐKH	Tăng cường mức độ an toàn của hệ thống công trình thủy lợi, công trình phòng tránh thiên tai	Sở NN&PTNT phối hợp với các đơn vị liên quan	Triển khai thực hiện và hoàn thành đề án	Hoàn thành và tổng kết đánh giá
16	Đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp bảo đảm an toàn các hồ chứa, hệ thống đê điều, công trình phòng chống thiên tai có nguy cơ tổn thương cao do tác động của BĐKH	Tăng cường mức độ an toàn của hệ thống công trình thủy lợi, công trình phòng tránh thiên tai	Sở NN&PTNT phối hợp với các đơn vị liên quan	Phê duyệt và triển khai thực hiện	Hoàn thành và tổng kết đánh giá
17	Củng cố, xây dựng các công trình chống sạt lở bờ sông, bờ biển ở các	Tăng cường các giải pháp chống sạt lở, sạt lở bờ sông, bờ biển	Sở NN&PTNT phối hợp với các đơn vị liên quan	Triển khai xây dựng các công trình cấp bách	Đầu tư theo lộ trình và tổng kết đánh giá

	khu vực trọng điểm, cấp bách				
18	Xây mới một số hồ chứa lớn tại các vùng có nguy cơ hạn hán cao nhằm tích trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp trong điều kiện BĐKH	Tăng cường các giải pháp công trình để đối phó với hiện tượng hạn hán, xâm nhập mặn gia tăng	Sở NN&PTNT phối hợp với các đơn vị liên quan	Triển khai xây dựng các công trình cấp bách	Đầu tư theo lộ trình và tổng kết đánh giá
19	Đánh giá, phân vùng rủi ro đa thiên tai và xây dựng cơ sở dữ liệu về rủi ro thiên tai; lập bản đồ cảnh báo lũ quét, sạt lở đất cho khu vực miền núi	Xây dựng kế hoạch và phương án phòng tránh thiên tai	Sở TN&MT phối hợp với các đơn vị liên quan	Năm 2025 hoàn thành nhiệm vụ	
20	Đầu tư xây dựng các trường học an toàn phòng tránh thiên tai và thích ứng BĐKH	Tăng cường khả năng phòng tránh và giảm thiểu thiệt hại do thiên tai và BĐKH	Sở GD&ĐT phối hợp với các đơn vị liên quan	Đầu tư theo lộ trình tại các khu vực trọng yếu	Hoàn thành và tổng kết đánh giá
IV	Tài nguyên nước				
21	Điều tra, đánh giá trữ lượng nước ngầm trên địa bàn tỉnh	Làm cơ sở quy hoạch, quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên nước	Sở TN&MT phối hợp với các đơn vị liên quan	Năm 2025 hoàn thành nhiệm vụ	
22	Xác định vùng hạn chế khai thác nước dưới đất cho các khu vực tỉnh Ninh Thuận	Tăng cường công tác giám sát và bảo vệ tài nguyên nước	Sở TN&MT phối hợp với các đơn vị liên quan	Năm 2025 hoàn thành nhiệm vụ	
23	Xây dựng, triển khai và nhân rộng các mô hình sử dụng nước tiết kiệm và hiệu quả	Tăng cường khả năng trữ nước và nâng cao hiệu quả sử dụng nước	Sở NN&PTNT phối hợp với các đơn vị liên quan	Đề án được phê duyệt và triển khai thí điểm	Đúc kết, nhân rộng và tổng kết đánh giá

24	Điều tra hiện trạng, thống kê và lập danh mục số lượng giếng khai thác, sử dụng nước dưới đất các địa phương ven biển (khu vực phía đông QL 1A) để hướng dẫn lập hồ sơ cấp phép theo quy định	Tăng cường quản lý, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng nước dưới đất và nâng cao hiệu lực công tác quản lý tài nguyên nước.	Sở TN&MT phối hợp với địa phương và các đơn vị liên quan	Năm 2025 hoàn thành nhiệm vụ	Tổng kết và mở rộng thực hiện đối với tất cả các địa phương còn lại
25	Điều tra, khảo sát, dự báo tình hình nhiễm mặn khu vực ven biển; xây dựng kế hoạch thích ứng cho hoạt động dân cư ven biển	Xây dựng kế hoạch thích ứng cho hoạt động dân cư ven biển	Sở TN&MT phối hợp với các đơn vị liên quan	Năm 2025 hoàn thành nhiệm vụ	
V	Giao thông vận tải				
26	Nâng cấp, cải tạo, xây dựng các công trình giao thông đường bộ, đường thủy ở những vùng thường bị đe dọa bởi lũ lụt và nước biển dâng	Nâng cao năng lực chống chịu với BĐKH thông qua các biện pháp cải tạo cơ sở hạ tầng giao thông ở những vùng nhạy cảm	Sở Giao thông vận tải phối hợp với các đơn vị liên quan	Đề án được phê duyệt và triển khai thí điểm	Mở rộng quy mô và tổng kết đánh giá
27	Nghiên cứu xây dựng lộ trình chuyển đổi dần phương tiện giao thông vận tải, máy móc sử dụng xăng, dầu sang sử dụng điện, nhiên liệu sinh học, năng lượng mặt trời	Giảm dần sử dụng nhiên liệu hóa thạch góp phần giảm phát thải khí nhà kính	Sở Giao thông vận tải phối hợp với các đơn vị liên quan	Đề án được phê duyệt và triển khai thí điểm	Mở rộng quy mô và tổng kết đánh giá
VI	Xây dựng, đô thị				
28	Hoàn thiện hướng dẫn kỹ thuật về các giải pháp kỹ	Rà soát, xây dựng và hoàn thiện các tiêu chuẩn, quy	Sở Xây dựng phối hợp với các	Hướng dẫn kỹ thuật được ban hành	Tổng kết, đánh giá và hiệu chỉnh bộ

	thuật xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật ứng phó với úng ngập đô thị (san nền, thoát nước, hồ điều hoà, đê bao...)	chuẩn ngành xây dựng và đô thị ứng phó với thiên tai trong điều kiện BĐKH và nước biển dâng	đơn vị liên quan		sung
29	Thực hiện các giải pháp chống ngập cho các đô thị lớn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận	Triển khai các chương trình, dự án nâng cao năng lực chống ngập lụt đô thị trong điều kiện BĐKH và nước biển dâng	Sở Xây dựng phối hợp với các đơn vị liên quan	Triển khai thí điểm tại các đô thị trọng điểm	Mở rộng quy mô và tổng kết, đánh giá
30	Triển khai các dự án nhằm ứng dụng các công nghệ mới, sử dụng các loại vật liệu bền vững, có tính chống chịu cao với BĐKH trong lĩnh vực xây dựng và đô thị	Ứng dụng công nghệ mới, vật liệu bền vững, có tính chống chịu cao cho công trình nhà ở đô thị	Sở Xây dựng phối hợp với các đơn vị liên quan	Đề án được phê duyệt và triển khai thí điểm	Mở rộng quy mô và tổng kết, đánh giá
VII	Công nghiệp và năng lượng				
31	Nghiên cứu, đánh giá tác động của các dự án điện mặt trời, điện gió... đối với BĐKH của tỉnh trong giai đoạn tới	Xây dựng kế hoạch và đề xuất giải pháp thích ứng phù hợp	Sở Công thương phối hợp với các đơn vị liên quan	Năm 2025 hoàn thành nhiệm vụ	
32	Tuyên truyền, khuyến khích, hướng dẫn áp dụng mô hình chuyển đổi nhiên liệu và sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả, thân thiện với môi trường	Nâng cao nhận thức và hỗ trợ chuyển đổi sản xuất xanh ở khu vực doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh	Sở Công thương phối hợp với các đơn vị liên quan	Đề án được phê duyệt và triển khai thí điểm	Đúc kết, nhân rộng và tổng kết đánh giá

VIII Sức khoẻ cộng đồng					
33	Phát triển mạng lưới y tế, chăm sóc sức khoẻ, đáp ứng yêu cầu về phòng chống dịch, bệnh và các bệnh mới phát sinh do tác động của BĐKH	Triển khai các dự án đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng ngành y tế và sức khoẻ cộng đồng	Sở Y tế phối hợp với các đơn vị liên quan	Đề án được phê duyệt và triển khai thí điểm	Mở rộng quy mô và tổng kết, đánh giá
34	Phát triển hạ tầng cơ sở bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường tốt, thực hiện các giải pháp về công nghệ, trang thiết bị trong dự phòng và điều trị các bệnh liên quan đến BĐKH	Triển khai các dự án đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng ngành y tế và sức khoẻ cộng đồng	Sở Y tế phối hợp với các đơn vị liên quan	Đề án được phê duyệt và triển khai thí điểm	Mở rộng quy mô và tổng kết, đánh giá
35	Tăng cường hệ thống giám sát và cảnh báo sớm các tác động của BĐKH đến sức khoẻ	Triển khai các dự án đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng ngành y tế và sức khoẻ cộng đồng	Sở Y tế phối hợp với các đơn vị liên quan	Đề án được phê duyệt và triển khai thí điểm	Mở rộng quy mô và tổng kết, đánh giá
36	Xây dựng và nhân rộng các mô hình vệ sinh môi trường và nước sạch thích ứng với BĐKH cho cộng đồng và các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận	Triển khai xây dựng và nhân rộng các mô hình nhằm nâng cao khả năng chống chịu của cộng đồng, thích ứng với BĐKH	Sở Y tế phối hợp với các đơn vị liên quan	Đề án được phê duyệt và triển khai thí điểm	Mở rộng quy mô và tổng kết, đánh giá
IX Văn hoá và du lịch					
37	Xây dựng đề án duy tu, bảo tồn các khu di tích văn hoá trong điều kiện	Tăng cường năng lực ứng phó với BĐKH trong ngành văn hoá	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với các	Đề án được phê duyệt và triển khai thí điểm	Mở rộng quy mô và tổng kết, đánh giá

	BĐKH, chú trọng công tác duy tu, bảo tồn các khu di tích văn hoá		đơn vị liên quan		
38	Rà soát, điều chỉnh quy hoạch các khu du lịch, các điểm nghỉ dưỡng nhằm thích ứng với BĐKH	Nâng cao khả năng khai thác các hoạt động du lịch trong điều kiện BĐKH	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với các đơn vị liên quan	Đề án được phê duyệt và triển khai	Mở rộng quy mô và tổng kết, đánh giá